

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 133/2025/HS-PT
Ngày 29/12/2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Phương;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thế Doanh và ông Dương Văn Bản.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Khánh Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Phùng Thị Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 29/12/2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 99/2025/TLPT-HS ngày 03/10/2025, do có kháng cáo của các bị cáo [Vũ Xuân B](#), [Phạm Thái L](#), [Lê Văn T](#), [Trần Mạnh L1](#) và [Nguyễn Văn Q](#) đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 93/2025/HS-ST ngày 28/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Thái Nguyên.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Bị cáo [VŨ XUÂN B](#); tên gọi khác: Không; sinh ngày 27/02/1992 tại tỉnh Thái Nguyên; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: [Tổ B, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên \(nay là phường Q, tỉnh Thái Nguyên\)](#); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông [Vũ Thanh B1](#), sinh năm 1959 và bà [Đỗ Thị B2](#), sinh năm 1960; vợ là [Lê Thị T1](#), sinh năm 1995; có 01 con, sinh năm 2017. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại Bản án số 342/2012/HSST ngày 20/9/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên và Bản án số 194/HSPT ngày 16/11/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xử phạt 30 tháng tù, về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999. Án phí là 400.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 2.211.000 đồng, [B](#) đã thi hành xong ngày 17/12/2012. Chấp hành xong án phạt tù ngày 09/11/2013. Tại Bản án xác định phần

bồi thường dân sự đối với anh [Nguyễn Trung K](#), sinh năm 1985, trú tại: [Tổ B, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên \(nay là phường Q, tỉnh Thái Nguyên\)](#) số tiền 44.316.632 đồng. Tuy nhiên, quá trình xác minh xác định không có công dân nào có tên và lai lịch như trên tại địa phương.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 13/3/2025 đến ngày 21/8/2025 được thay đổi biện pháp ngăn chặn. Bị cáo đang tại ngoại tại địa phương, được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo [PHẠM THÁI L](#); tên gọi khác: Không; sinh ngày 04/7/1994 tại tỉnh Thái Nguyên; nơi đăng ký HKTT: [Tổ E, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng \(nay là xã T, tỉnh Cao Bằng\)](#); chỗ ở hiện nay: [tổ B, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên \(nay là phường Q, tỉnh Thái Nguyên\)](#); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông [Phạm Thái H](#), sinh năm 1959 (đã chết) và bà [Chu Thị H1](#), sinh năm 1966; vợ là [Lê Quỳnh A](#), sinh năm 1991; có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2016. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 14/5/2014, [Công an phường S, TP C, tỉnh Cao Bằng](#) ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.000.000 đồng về hành vi “Gây mất trật tự tại nơi diễn ra hoạt động tổ tụng”. Đã nộp phạt xong ngày 14/5/2014.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 31/5/2025 đến ngày 21/8/2025 được thay đổi biện pháp ngăn chặn. Bị cáo đang tại ngoại tại địa phương, được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

3. Bị cáo [LÊ VĂN T](#); tên gọi khác: Không; sinh ngày 19/02/1992 tại tỉnh Thái Nguyên; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: [Tổ G, phường G, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên \(nay là phường G, tỉnh Thái Nguyên\)](#); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông [Lê Văn M](#), sinh năm 1962 và bà [Nguyễn Thị B3](#), sinh năm 1973; vợ là [Lê Thị N](#), sinh năm 1994; có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2020. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 29/6/2010, [Công an T8](#) ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 84 số tiền 175.000 đồng về hành vi “Đánh nhau”, đã nộp phạt ngày 30/6/2020.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 08/5/2025 đến 21/8/2025 được thay đổi biện pháp ngăn chặn. Bị cáo đang tại ngoại tại địa phương, được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

4. Bị cáo [TRẦN MANH L1](#); tên gọi khác: Không; sinh ngày 05/9/1997 tại tỉnh Thái Nguyên; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: [Xóm Đ, xã S, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên \(nay là phường Q, tỉnh Thái Nguyên\)](#); nghề nghiệp: Lao động tự do;

trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông [Trần Văn L2](#), sinh năm 1969 (đã chết) và bà [Phạm Thị T2](#), sinh năm 1970; vợ là [Phùng Mỹ H2](#), sinh năm 2002; có 02 con, con lớn sinh năm 2020, con nhỏ sinh năm 2024. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 22/9/2017, [Công an thành phố T8](#), tỉnh Thái Nguyên ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 53957 số tiền 200.000 đồng về hành vi “Gây mất trật tự tại khu dân cư”, đã nộp phạt xong ngày 10/7/2018.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 28/5/2025 đến ngày 21/8/2025 được thay đổi biện pháp ngăn chặn. Bị cáo đang tại ngoại tại địa phương, được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

5. Họ tên: [NGUYỄN VĂN Q](#); tên gọi khác: Không; sinh ngày 08/6/1973 tại tỉnh Thái Nguyên; nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: [Xóm T, xã H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên \(nay là xã Đ, tỉnh Thái Nguyên\)](#); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông [Nguyễn Văn C](#), sinh năm 1943 (đã chết) và bà [Ta Thị M1](#), sinh năm 1943 (đã chết); vợ là [Ta Thị K1](#), sinh năm 1975; có 04 con, con đầu sinh năm 1995, con nhỏ nhất sinh năm 2005. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 06/7/2025 đến nay tại Trại tạm giam số 1 - [Công an tỉnh T8](#), có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Q: Bà [Dương Thị N1](#), Luật sư [Công ty L5](#). Địa chỉ: [Tầng A, Tháp B, Tòa nhà S, đường P, phường T, thành phố Hà Nội](#), có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà [Ta Thị K1](#), sinh năm 1975, trú tại: [Xóm T, xã Đ, tỉnh Thái Nguyên](#), có mặt tại phiên tòa;

2. Bà [Đỗ Thị Q1](#), sinh năm 1949, trú tại: [Xã Đ, tỉnh Thái Nguyên](#), có mặt tại phiên tòa;

Ngoài ra, trong vụ án còn có 08 bị cáo khác, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không bị kháng nghị, Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng cuối tháng 3 năm 2024 đến tháng 6 năm 2024, do cần tiền tiêu xài cá nhân, thông qua người khác giới thiệu, [Nguyễn Văn T3](#), sinh năm 1987, trú tại: [Xóm T, xã H, huyện P \(nay là xã Đ\), tỉnh Thái Nguyên](#) đã nhiều lần vay của một

người tự xưng tên là T4 (thực tế là Nguyễn Minh Đ tổng số tiền khoảng 45.000.000đ (bốn mươi lăm triệu đồng). Sau khi vay tiền, T3 trả đầy đủ tiền gốc và lãi cho Đ, đến ngày 31/8/2024 T3 còn nợ khoảng 3.000.000đ (ba triệu đồng) không có khả năng trả nợ, nên Đ nhờ một số người bạn liên tục đến nhà của T3 để đòi nợ nhưng T3 và gia đình chưa trả.

Khoảng 10 giờ ngày 07/10/2024, Nguyễn Minh Đ đi uống bia tại quán “Bia Hoàng” địa chỉ gần cổng Bệnh viện A Thái N2 cùng với 13 đối tượng gồm: Dương Quý K2, Luân Văn T5, Phạm Thái L, Nguyễn Trung K, Lê Văn T, Vũ Xuân B, Phạm Thái V, Bàn Phúc D, Trần Hùng S, Trần Mạnh L1, Lương Xuân C1, Nguyễn Thanh H3 và Phùng Quang H4. Đến khoảng 13 giờ 00 phút cùng ngày, sau khi uống bia xong, Đ rủ những người nêu trên đi hát karaoke tại thành phố P. Khi đi, tất cả đi trên 03 xe ô tô do Đ thuê của chị Vũ Thị Yên L3, sinh năm 1989, trú tại: Tổ A, phường H, thành phố T (nay là phường P), tỉnh Thái Nguyên từ ngày 05/10/2024. T điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Grand I10, màu đỏ, BKS 20A-738.11 chở Đ, L, V và H4 đi trước dẫn đường. H3 điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Vinfast VF5, màu đỏ, BKS 20A-806.97 chở C1, T5, K2. S điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Vinfast VF5, màu trắng, BKS 20A-806.63 chở Đ, L3, K và B đi theo đường cao tốc hướng Thái Nguyên - Hà Nội. Khi đến nút giao Y, Đ nảy sinh ý định đến nhà của Nguyễn Văn T3 để đòi nợ. Đ bảo T điều khiển xe đi theo đường Vành đai 5 về hướng huyện P cũ, cả nhóm đi theo xe của T. Khi đi qua cửa hàng X khoảng 200 mét, thuộc tổ dân phố T, phường T, thành phố P cũ, Đ bảo T dừng xe, mở cốp xe, hai xe ô tô còn lại cũng dừng ngay sau xe của Đ. Đ mở cốp xe I10 lấy ra 01 túi vải màu rằn ri, dạng túi đựng đồ câu cá bên trong chứa nhiều dao, kiếm, gậy ba khúc, rồi bảo H3 mở cốp xe Vinfast BKS 20A-806.97, Đ để túi đồ hung khí trên vào cốp xe của H3 rồi đóng lại. Tiếp đó, Đ bảo T điều khiển xe đi tiếp về hướng huyện P cũ, hai xe còn lại cũng đi ngay sau đó. Khi đến khu vực ngã ba, cách cổng nhà T3 khoảng gần 50 mét, cả ba xe ô tô dừng đỗ. Cả nhóm xuống xe, C1 mở cốp xe VF5 màu đỏ lấy túi rằn ri đựng hung khí ra. Đ lấy từ túi rằn ri ra 03 gậy rút ba khúc, Đ cầm một cái, đưa cho T5, L mỗi người cầm một cái. Đ nói với K2, L, T5, B, K và T là “đi vào đây với em một tí”. Đ bảo C1 xách túi vải màu rằn ri đựng hung khí ở cốp xe Vinfast màu sơn đỏ, BKS 20A-806.97 đi cùng. Tiếp đó, Đ, L, K2, T5, T, B, K đi vào nhà T3. C1 cầm túi rằn ri, V cất giấu 1 gậy rút trong người và H3 không cầm hung khí đứng ở cổng nhà T3, còn Đ, S, H4 và L3 đứng ở khu vực ngã ba chờ đỗ xe ô tô đợi nhóm của Đ. Khi đến nơi, nhà T3 đang mở cổng, mở cửa. Đ gọi nhiều lần nhưng không thấy ai trả lời, cả nhóm của Đ đi xung quanh nhà để tìm T3. Sau đó, Đ mở cửa phòng ngủ cạnh gian phòng thờ đi vào trong, thấy T3 và con gái T3 (tên Nguyễn Mộc T6, sinh năm 2020) đang nằm ngủ. T5, L đứng ở phòng khách, còn T, K, B và K2 đứng ở ngoài sân. Khi vào phòng, Đ nói “*Thắng à, bố mày Tuyên đây, tiền nong của tao như thế nào, bao giờ mày định trả*”. Sau đó, Đ dùng tay tát 02 nhát vào mặt của T3, T3 vùng dậy định

đánh lại thì bị D dùng gậy rút vọt nhiều nhát vào người. Thấy vậy, nhóm L, T5, K, B và K2 cũng lao vào để đánh T3. K2 thấy cháu T6 ở trên giường sợ cháu khóc, nên K2 bế cháu T6 sang phòng ngủ bên cạnh đó rồi đóng cửa lại. Thấy K2 bế cháu T6 ra khỏi phòng, T3 nghĩ rằng cháu T6 bị nhóm của D bắt đi, nên T3 vùng dậy chạy ra ngoài phòng khách, rồi chạy xuống bếp lấy được 02 con dao, tay phải cầm dao loại dao bầu và tay trái cầm dao nhọn đuôi đánh nhóm D. Thấy T3 có dao nên cả nhóm của D hô hoán nhau chạy ra phía đồ xe ô tô. Lúc này, Nguyễn Văn Q, sinh năm 1973, trú tại: xóm T, xã H, huyện P là anh ruột của T3 đi ngang qua. Q thấy T3 đang cầm 02 con dao đuôi đánh nhóm nam thanh niên và T3 đang trong tình trạng chảy nhiều máu, thì Q lấy 01 đoạn gậy gỗ ở gần đó vọt về phía nhóm nam thanh niên nhưng không trúng ai. Sau đó, Q cầm gậy gỗ và T3 cầm 02 con dao tiếp tục đuổi đánh nhóm D chạy ra ngoài đường về hướng đường ngã ba gần đó (chỗ nhóm D đồ xe ô tô từ trước). Khi cả nhóm chạy ra đến chỗ đồ xe ô tô, C1 để túi rằn ri xuống đất mở ra để nhóm mình lấy hung khí, D, C1, D, K2 mỗi người lấy 01 chiếc kiếm, K nhặt được 01 chiếc gậy rút kim loại trên đường chạy ra. Sau đó, nhóm D, C1, L3, B, D, K, L, T5, V, T, K2 và H3 đuổi quay lại để đánh nhau với Q, T3. Q dùng gậy vọt T khiến T bị ngất nằm dưới đường. K2 cầm kiếm lao vào đánh nhau với T3 thì bị T3 dùng dao đâm trúng một nhát vào vùng bụng bên phải. K2 thấy T bị Q dùng gậy đánh ngất nên chạy ra vị trí đồ xe ô tô cất kiếm vào trong xe I10, lấy bao da đựng kiếm vứt ở dưới đường rồi quay lại vị trí T nằm, thì bị Q dùng gậy vọt nhưng không trúng. K2 nhặt đoạn gậy gỗ có sẵn dưới đường để vọt lại Q nhưng không trúng. Sau đó, K2 đỡ T dậy đưa lên xe ô tô rồi cùng nhóm mình rời khỏi hiện trường. Cùng lúc đó, L cầm gậy rút, khi thấy T3 dùng dao đâm trúng K2 thì L ném gậy về phía T3 nhưng không trúng. Sau đó, thấy Q dùng gậy vọt vào vùng đầu của T nên L tiếp tục nhặt được một nửa viên gạch ném về phía Q nhưng không trúng. D cầm kiếm lao vào đánh nhau với Q thì bị Q dùng gậy gỗ vọt trúng một nhát vào mạn sườn bên phải. L3 thấy D đánh nhau với T3 nên chạy ra nhặt con dao rơi ở dưới đường lao vào đánh nhau với T3 và cùng nhóm mình đuổi Q và T3 về phía cổng nhà T3 khoảng 10m thì quay lại xe ô tô rời khỏi hiện trường. K cầm gậy rút lao vào vọt trúng 02 nhát vào vùng lưng T3. C1 tay phải cầm kiếm và tay trái cầm mũ cối lao vào đánh nhau với Q, T3 nhưng không gây thương tích cho ai và C1 không bị thương tích gì. H3 không cầm hung khí gì cùng tham gia đuổi đánh Q, T3 và lên xe ô tô cùng C1 rời khỏi hiện trường. V sau khi nhìn thấy T bị ngất thì chạy ra để xem, khi đến nơi thì T3 cầm dao lao vào đâm về phía V nhưng V tránh được. V cầm gậy rút kim loại đuổi đánh lại T3, trong lúc đuổi V bị vấp ngã đập đầu xuống đường khiến V bị choáng ngất bệt dưới đường. T5 nhìn thấy V ngất bệt dưới đường nên chạy ra vị trí đó lấy được con dao loại dao tông rơi dưới đường. T5 tay trái cầm dao, tay phải cầm gậy rút kim loại đánh lại Q, T3 nhưng không trúng ai. Sau đó, T5 và B đưa V lên xe ô tô rời khỏi hiện trường. Dương cầm kiếm lao vào đánh nhau, quá trình đánh nhau D chém trúng vào gậy gỗ của Q khiến Q bị rơi gậy gỗ cầm trên tay. S đứng tại vị trí đồ xe, không biết sự việc bên

trong nhà T3 xảy ra như thế nào. Khi thấy, nhóm mình đuổi đánh nhau với Q, T3 thì S đưa người bị thương của nhóm mình lên xe ô tô rồi khỏi hiện trường. H4 đứng tại vị trí đỗ xe ban đầu, khi thấy Q và T3 cầm hung khí đuổi đánh nhóm của mình thì H4 cầm một nắm cát mục đích nếu bị ai gây thương tích sẽ phòng vệ cho bản thân. S và H4 không biết sự việc xảy ra trong nhà T3. Do thấy nhóm của Đ đông và cầm hung khí nên Q và T3 chạy về phía cổng nhà T3, trên đường chạy T3 bị ngã xuống ruộng ở sát đường. Thấy đánh nhau nên người dân ở xung quanh đi ra hô hoán nên không đánh nhau nữa. Đ đưa T, V lên xe ô tô rồi khỏi hiện trường. Sau đó, Đ bảo H3 điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Vinfast – VF5, màu đỏ, BKS: 20A – 806.97 đến khu vực đê N để xe tại đây. Nhóm còn lại tiếp tục đi đến khu vực gầm cầu vượt T. Tại đây, Đ lấy túi rằn ri và các loại hung khí mà nhóm mình vừa sử dụng từ cốp xe ô tô nhãn hiệu Hyundai – I10, màu đỏ, BKS: 20A – 738.11 mang sang để vào cốp xe ô tô nhãn hiệu Vinfast – VF5, màu trắng, BKS: 20A – 806.63. Đ bảo nhóm mình để lại chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai – I10, màu đỏ, BKS: 20A – 738.11 ở tại gầm cầu vượt Đ. Đ điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Vinfast – VF5, màu trắng, BKS: 20A – 806.63 đến nhà bà Nguyễn Thị L4, sinh năm 1958, trú tại: xóm K, xã B, thành phố S (nay là xã T), tỉnh Thái Nguyên (là bác ruột của Đ) gửi tại đây. Đ gọi điện thoại bảo K2 lấy chiếc xe ô tô nhãn hiệu Vinfast - VF5, màu đỏ, BKS: 20A – 806.97 để ở khu vực đê N đến nhà bà Lương Thị M2, sinh năm 1963, trú tại: tổ A, phường P, thành phố T (nay là phường P), tỉnh Thái Nguyên để gửi tại đó. Đến ngày 12/01/2025, Đ đến lấy chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai – I10, màu đỏ, BKS: 20A – 738.11 để tại gầm cầu vượt T sử dụng để đi lại đến khi giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Sau khi sự việc xảy ra, Nguyễn Văn T3 đã trình báo Cơ quan Công an để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hậu quả vụ việc: Nguyễn Văn Q, Vũ Xuân B, Nguyễn Minh Đ, Nguyễn Trung K, Phạm Thái L, Luân Văn T5, Trần Mạnh L1, Nguyễn Thanh H3, Bàn Phúc D, Lương Xuân C1 không bị thương tích gì.

Nguyễn Văn T3: Vết thương phần mềm vùng đỉnh trái kích thước 03x01cm, chảy máu; Vết thương xây sát phần mềm nhiều vùng cơ thể: Đầu, mặt, cổ, ngực, hông, chân tay hai bên – sưng nề bầm tím phần mềm kèm theo. Chẩn đoán: Tổn thương nông tác động nhiều vùng cơ thể, vết thương hở ở đầu, vỡ xương mũi. Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 796/KLTTCT-TTPY ngày 30/10/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh T đối với T3 như sau: Sẹo vùng đỉnh trái, tỷ lệ: 1%, cơ chế hình thành vết thương: Do tác động của vật cứng có gờ cạnh; Sẹo khuỷu tay trái, tỷ lệ: 1%, cơ chế hình thành vết thương: Do tác động của vật cứng có gờ cạnh; Sẹo cánh tay phải, tỷ lệ: 1%, cơ chế hình thành vết thương: Do tác động của vật cứng có gờ cạnh; Gãy xương chính mũi, tỷ lệ: 7%, cơ chế hình thành vết thương: Do tác động của vật tày. Kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của T3 tại thời điểm giám định là 10% (Mười phần trăm).

Dương Quý K2: Tại thành bụng phải có vết thương dài khoảng 06x03m, bờ sắc gọn, chảy máu. Chẩn đoán: Vết thương hở của thành bụng. Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 253/KLTTCT-TTPY ngày 14/5/2025 của Trung tâm pháp y tỉnh T đối với K2 như sau: Sẹo thành bụng phải, tỷ lệ: 2%. Kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của K2 thời điểm giám định là 2% (Hai phần trăm).

Phạm Thái V: Tổn thương nông ở đầu, vết thương hở ở đầu, tổn thương nông ở cẳng tay phải, tổn thương nông ở cổ tay và bàn tay phải, đụng giập tại đầu gối hai bên, tổn thương nông tại cổ chân và bàn chân hai bên. Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 252/KLTTCT-TTPY ngày 15/5/2025 của Trung tâm pháp y tỉnh T đối với V như sau: Sẹo mu bàn tay phải, tỷ lệ: 1%. Cơ chế hình thành: Do vật tày; Sẹo đầu gối phải, tỷ lệ: 1%; Cơ chế hình thành: Do vật tày; Sẹo đầu gối trái vết 1, tỷ lệ: 1%; Cơ chế hình thành: Do vật tày; Sẹo đầu gối trái vết 2, tỷ lệ: 1%; Cơ chế hình thành: Do vật tày; Sẹo mu chân phải, tỷ lệ: 1%; Cơ chế hình thành: Do vật tày; Sẹo mu chân trái, tỷ lệ: 1%; Cơ chế hình thành: Do vật tày. Kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của V tại thời điểm giám định là 6% (Sáu phần trăm).

Lê Văn T: Mặt mắt cân đối, sung nề nhiều vùng má phải, tẩy đỏ nhiều, xung quanh khối sung nề bầm tím, sờ mềm, ấn bệnh nhân đau nhiều. Chẩn đoán: Bất thường chức năng hàm mặt. Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 251/KLTTCT-TTPY ngày 12/5/2025 của Trung tâm pháp y tỉnh T đối với T như sau: Hiện tại không còn dấu vết của thương tích. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Lê Văn T thời điểm giám định là 0% (Không phần trăm).

Sau khi tiếp nhận tin báo, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P triệu tập, ghi lời khai các đối tượng liên quan đến sự việc. Rà soát, kiểm tra dữ liệu camera an ninh, ghi lời khai người làm chứng, người liên quan, tiến hành xác định hiện trường, thu giữ đồ vật, phương tiện liên quan đến vụ việc.

Ngày 18/02/2025, UBND xã H, huyện P có Công văn số 12/CV-UBND, về việc đề nghị xử lý các đối tượng liên quan đến vụ việc xảy ra ngày 07/10/2024, trong đó xác định sự việc trên đã gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương, gây xôn xao dư luận, bức xúc trong quần chúng nhân dân. Đến ngày 01/3/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T8 tiếp nhận điều tra vụ án.

Ngày 13/5/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định trưng cầu giám định GEN đối với một số đồ vật liên quan trong vụ án. Tại Bản kết luận giám định AND số 24/KLGDADN-TTPY ngày 19/5/2025 của Trung tâm pháp y tỉnh T kết luận: Thử định tính phát hiện nhanh vết máu người bằng Hb Card trên vỏ gối (niêm phong ký hiệu P1), con dao (niêm phong ký hiệu P4), chiếc gậy rút (ký hiệu P6), mẫu trong bì niêm phong ký hiệu VT1 và VT5, kết quả: Dương tính. Dữ liệu AND từ mẫu vỏ gối (niêm phong ký hiệu P1), con dao (niêm phong ký hiệu P4), chiếc gậy rút (ký

hiệu P6), mẫu trong bì niêm phong ký hiệu VT1 và VT5 trùng khớp với nhau trên tất cả các locus STR đã phân tích.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, [Nguyễn Minh Đ](#), [Nguyễn Trung K](#), [Vũ Xuân B](#), [Phạm Thái L](#), [Luân Văn T5](#), [Dương Quý K2](#), [Lê Văn T](#), [Lương Xuân C1](#), [Phạm Thái V](#), [Bàn Phúc D](#), [Trần Mạnh L1](#), [Nguyễn Thanh H3](#), [Nguyễn Văn Q](#) đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nêu trên. Lời khai của các bị can phù hợp nhau và phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bị hại, biên bản xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường, vật chứng thu giữ, kết luận giám định cùng tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Với hành vi nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 62/2025/HS-ST, ngày 28/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Thái Nguyên đã tuyên bố: Các bị cáo [Vũ Xuân B](#), [Phạm Thái L](#), [Lê Văn T](#), [Trần Mạnh L1](#), [Nguyễn Văn Q](#) phạm tội “*Gây rối trật tự công cộng*”. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự (BLHS). Xử phạt [Nguyễn Văn Q](#) 25 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 6/7/2025. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 38, 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt: [Vũ Xuân B](#), [Phạm Thái L](#), [Trần Mạnh L1](#) và [Lê Văn T](#) mỗi bị cáo 26 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án, được trừ thời gian tạm giam. Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định hình phạt đối với các bị cáo khác, xử lý vật chứng, các biện pháp tư pháp, nghĩa vụ nộp án phí và quyền kháng cáo Bản án theo quy định.

Án sơ thẩm xử xong, bị cáo [Vũ Xuân B](#), [Phạm Thái L](#), [Trần Mạnh L1](#) và [Lê Văn T](#) có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo; bị cáo [Nguyễn Văn Q](#) kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 05/11/2025, bị cáo [Q](#) có đơn xin thay đổi nội dung kháng cáo xin hưởng án treo. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo [B](#), [L](#), [L1](#) và [T](#) xin rút toàn bộ nội dung kháng cáo. Bị cáo [Quảng](#) giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đề nghị: Đối với các bị cáo [Vũ Xuân B](#), [Phạm Thái L](#), [Trần Mạnh L1](#) và [Lê Văn T](#) tại phiên tòa đã rút toàn bộ nội dung kháng cáo, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của các bị cáo. Đối với kháng cáo của bị cáo [Nguyễn Văn Q](#), tại cấp phúc thẩm bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ mới tại điểm x khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Do vậy, đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của bị cáo [Q](#), sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 62/2025/HS-ST, ngày 28/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Thái Nguyên, xử phạt bị cáo [Q](#) 25 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 50 tháng về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”. Các bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo [Nguyễn Văn Q](#): Nhất trí với nội dung đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình và khẳng định Tòa án cấp sơ thẩm xét xử tội danh là đúng, không oan sai. Bị cáo [Nguyễn Văn Q](#) đề nghị HĐXX xem xét cân nhắc đến hoàn cảnh gia đình, các tình tiết mới tại giai đoạn phúc thẩm và nhân thân cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo được gửi trong thời hạn và đúng theo thủ tục quy định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Căn cứ vào lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, HĐXX có đủ căn cứ kết luận:

Khoảng 13 giờ ngày 07/10/2024, [Nguyễn Minh Đ](#) mục đích đến nhà [Nguyễn Văn T3](#) ở [xóm T, xã H, huyện P \(nay là xã Đ\), tỉnh Thái Nguyên](#) để đòi số tiền 3.000.000 đồng mà [T3](#) nợ trước đó, nên [Đ](#) đã rủ [Nguyễn Trung K](#), [Vũ Xuân B](#), [Phạm Thái L](#), [Luân Văn T5](#), [Dương Quý K2](#), [Lê Văn T](#), [Lương Xuân C1](#), [Phạm Thái V](#), [Bàn Phúc D](#), [Trần Mạnh L1](#), [Nguyễn Thanh H3](#), [Trần Hùng S](#), [Phùng Quang H4](#) đi cùng ([Đ](#) không nói mục đích đòi nợ cho những người này biết). Cả nhóm đi trên 03 xe ô tô, [T](#) điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Hyundai I10, màu đỏ, BKS: 20A – 738.11 chở [Đ](#), [L](#), [V](#) và [H4](#). [H3](#) điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Vinfast VF5, màu đỏ, BKS: 20A – 806.97 chở [K2](#), [T5](#) và [C1](#). [S](#) điều khiển xe ô tô nhãn hiệu Vinfast VF5, màu trắng, BKS: 20A – 806.63 chở [K](#), [B](#), [D](#) và [L1](#). Khi đến khu vực ngã ba đường bê tông thuộc [xóm T, xã Đ](#) cả nhóm dừng lại. [Đ](#) lấy từ trong túi rằn ri của [C1](#) mang theo từ trước ra 03 chiếc gậy rút bằng kim loại, [Đ](#) cầm 01 gậy và đưa cho [L](#) và [T5](#) mỗi người cầm 01 gậy. [Đ](#) nói với [K2](#), [L](#), [T5](#), [B](#), [K](#) và [T](#) là “đi vào đây với em một tí”. [Đ](#), [L](#), [K2](#), [T5](#), [T](#), [B](#), [K](#) đi vào nhà [Nguyễn Văn T3](#). [C1](#) cầm túi rằn ri, [V](#) cất giấu 1 gậy rút trong người và [H3](#) không cầm hung khí đứng ở cổng nhà [T3](#) còn [D](#), [S](#), [H4](#) và [L1](#) đứng ở khu vực ngã ba chờ đỗ xe ô tô đợi nhóm của [Đ](#). Khi [Đ](#) vào phòng ngủ của [T3](#) thì thấy [T3](#) đang ngủ cùng con gái là cháu [Nguyễn Mộc T6](#), [Đ](#) yêu cầu [T3](#) trả tiền và dùng tay, gậy rút đánh nhiều nhát vào người [T3](#). [K2](#) thấy cháu [T6](#) ở trên giường sợ cháu khóc nên [K2](#) đã bế cháu [T6](#) sang phòng bên cạnh. Nghĩ con gái bị bắt đi [T3](#) chạy xuống bếp lấy 02 con dao đuổi đánh nhóm của [Đ](#). Cùng lúc này, [Nguyễn Văn Q](#) (là anh trai của [Nguyễn Văn T3](#)) thấy [T3](#) đang bị thương và cầm dao đuổi theo nhóm của [Đ](#) nên [Q](#) cầm gậy gỗ cùng [T3](#) đuổi theo nhóm của [Đ](#). Thấy nhóm của mình ở trong bị đuổi đánh chạy ra ngoài, nhóm ở ngoài gồm [C1](#) mở túi đựng hung khí ra sau đó [Đ](#), [C1](#), [D](#), [K2](#) mỗi người cầm 1 chiếc kiếm, [L1](#) cầm 01 con dao rồi [Đ](#), [C1](#), [B](#), [L1](#), [D](#), [K](#), [L](#), [T5](#), [V](#), [T](#), [K2](#) và [H3](#) đuổi quay lại để đánh nhau với [T3](#) và [Q](#). Hậu quả:

T3 bị thương tích sau giám định là 10%, V bị thương tích sau giám định là 6%, K2 bị thương tích sau giám định là 2%.

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Minh Đ, Nguyễn Trung K, Vũ Xuân B, Phạm Thái L, Luân Văn T5, Dương Quý K2, Lê Văn T, Lương Xuân C1, Phạm Thái V, Bàn Phúc D, Trần Mạnh L1, Nguyễn Thanh H3 sử dụng hung khí đã chuẩn bị đánh đuổi nhau với Nguyễn Văn T3 và Nguyễn Văn Q gây thương tích cho anh T3 với tỷ lệ 10% tại đường bê tông thuộc xã Đ nơi có nhiều phương tiện và người dân đi lại, sự việc diễn ra gây hoang mang, lo sợ cho người dân. Bị cáo Q đã cầm gậy gỗ đuổi đánh nhau với nhóm Đ tại nơi công cộng và gây thương tích cho T tỷ lệ là 0%, K2 tỷ lệ thương tích 2% và V tỷ lệ thương tích 6%.

Với hành vi trên, các bị cáo Vũ Xuân B, Phạm Thái L, Lê Văn T, Trần Mạnh L1 và Nguyễn Văn Q đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “*Gây rối trật tự công cộng*” quy định tại khoản 2 Điều 318 BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo:

Các bị cáo Vũ Xuân B, Phạm Thái L, Trần Mạnh L1 và Lê Văn T kháng cáo xin được hưởng án treo, tại phiên tòa các bị cáo đã rút toàn bộ nội dung kháng cáo. Xét thấy, việc rút kháng cáo của các bị cáo là tự nguyện, đúng quy định của pháp luật, HĐXX đình chỉ xét xử phúc thẩm, ghi nhận các bị cáo trên đã tự nguyện nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Q kháng cáo xin được hưởng án treo, HĐXX xét thấy: Tại cấp phúc thẩm gia đình bị cáo Q nộp thêm các tài liệu, chứng cứ mới gồm: Huân chương kháng chiến hạng ba, Huân chương chiến công giải phóng hạng ba, Tổ quốc ghi công Liệt sĩ Lưu Trọng N3; Đơn xác nhận của mẹ vợ bị cáo là bà Đỗ Thị Q1 (là vợ của Liệt sĩ Lưu Trọng N3); Giấy xác nhận của các con ruột của bà Đỗ Thị Q1 về việc xác nhận vợ chồng bị cáo Q là người có công nuôi dưỡng vợ liệt sĩ, đơn có xác nhận của chính quyền địa phương. Căn cứ Nghị quyết số: 04/2025/NQ-HĐTP, ngày 30/9/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, bị cáo Q được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 BLHS là “Người phạm tội là con của liệt sĩ”. Ngoài ra, gia đình bị cáo còn nộp Huân chương kháng chiến hạng nhất, hạng nhì, hạng ba và Tổ quốc ghi công của liệt sĩ Nguyễn Văn P; đơn xác nhận của bà Ta Thị T7 (vợ của Liệt sĩ Nguyễn Văn P) về việc có nhận bị cáo Nguyễn Văn Q làm con nuôi từ năm 1976 đến nay. Do đó, xác định bị cáo Q là con nuôi của gia đình liệt sĩ. Đây là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Ngoài ra, gia đình bị cáo còn nộp đơn xác nhận hoàn cảnh gia đình và nhân thân của bị cáo, xác nhận bị cáo là lao động chính trong gia đình, từ ngày bị cáo bị tạm giam kinh tế gia đình bị cáo gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến sinh hoạt và học tập của các con.

Xét thấy, bị cáo [Nguyễn Văn Q](#) có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, lần đầu phạm tội, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo được hưởng thêm nhiều tình tiết giảm nhẹ mới. Bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo, việc cho hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội. Do vậy, không cần thiết phải cách ly ra khỏi xã hội vẫn đảm bảo giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, nên cần chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ, phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Kháng cáo của bị cáo [Nguyễn Văn Q](#) được chấp nhận, các bị cáo [Vũ Xuân B](#), [Phạm Thái L](#), [Trần Mạnh L1](#) và [Lê Văn T](#) tự nguyện rút kháng cáo tại phiên tòa, nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ Điều 348; điểm đ khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của các bị cáo [Vũ Xuân B](#), [Phạm Thái L](#), [Trần Mạnh L1](#) và [Lê Văn T](#).

Bản án hình sự sơ thẩm số: 62/2025/HS-ST, ngày 28/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Thái Nguyên có hiệu lực đối với các bị cáo [Vũ Xuân B](#), [Phạm Thái L](#), [Trần Mạnh L1](#) và [Lê Văn T](#).

2. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo [Nguyễn Văn Q](#). Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 62/2025/HS-ST, ngày 28/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Thái Nguyên đối với hình phạt của bị cáo [Q](#), cụ thể như sau:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318; điểm s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt [Nguyễn Văn Q](#) 25 (Hai mươi lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 50 (Năm mươi) tháng về tội “*Gây rối trật tự công cộng*”. Thời hạn tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo cho [Ủy ban nhân dân xã Đ](#), tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội

mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của Bản án trước và tổng hợp với hình phạt của Bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Áp dụng Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo [Nguyễn Văn Q.](#)

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo [Vũ Xuân B](#), [Phạm Thái L](#), [Trần Mạnh L1](#), [Lê Văn T](#) và [Nguyễn Văn Q](#) không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Ghi nhận bị cáo [B](#) đã nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0000712 ngày 17/11/2025; bị cáo [L](#) đã nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0000711 ngày 17/11/2025; bị cáo [L1](#) đã nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0000714 ngày 17/11/2025; bị cáo [T](#) đã nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0000713 ngày 17/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Công an tỉnh Thái Nguyên;
- THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- TAND khu vực 1;
- VKSND khu vực 1;
- Phòng THADS khu vực 1;
- Các bị cáo;
- Người bào chữa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Khánh Phương